

**BÁO CÁO**

**Kết quả tự đánh giá, chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính năm 2025**

Kính gửi: Bộ Nội vụ

Thực hiện Công văn số 12094/BNV-CCHC ngày 15/12/2025 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn triển khai Đề án xác định Chỉ số cải cách hành chính; Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai đã ban hành Công văn số 8091/UBND-PVHCC ngày 17/12/2025 chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai một số nội dung công việc phục vụ công tác tự đánh giá, chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh năm 2025. Trên cơ sở tổng hợp kết quả tự đánh giá của các cơ quan liên quan, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả tự chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính năm 2025 của tỉnh, cụ thể như sau:

Tổng điểm tự đánh giá: **62.485/64.5 điểm<sup>1</sup>**. Trong đó:

- Công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính: 8.00/8.00 điểm;
- Cải cách thể chế: 5.00/5.00 điểm;
- Cải cách thủ tục hành chính: 11.92/12.00 điểm;
- Cải cách tổ chức bộ máy: 6.50/6.50 điểm;
- Cải cách chế độ công vụ: 5.00/5.50 điểm;
- Cải cách tài chính công: 7.19/8.00 điểm;
- Chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước: 15.00/15.00 điểm;
- Tác động của cải cách hành chính đến người dân và các phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh: 3.875/4.50 điểm.

(có Bảng tự chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính tại Phụ lục kèm theo)

Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai kính báo cáo Bộ Nội vụ xem xét, tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Vụ Cải cách hành chính (Bộ Nội vụ);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: TP, NV, TC, KHCN;
- CVP, PVPVX;
- Lưu: VT, PVHCC.

*Munt*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lâm Hải Giang**

<sup>1</sup> Tổng điểm tối đa (64.5 điểm) không bao gồm điểm đánh giá qua điều tra xã hội học (32 điểm) và điểm của các tiêu chí thành phần tỉnh không tự đánh giá, bao gồm: TC 1.7 Thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao: 1.5 điểm; TC 8.4 Thực hiện thu ngân sách hàng năm của tỉnh: 2 điểm.

**Phụ lục**  
**Bảng tự chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính tỉnh Gia Lai năm 2025**  
(Kèm theo Báo cáo số     /BC-UBND ngày     /     /2026 của UBND tỉnh Gia Lai)

| STT         | Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần                                                               | Điểm tối đa  | Điểm tự đánh giá | Giải trình / Tài liệu kiểm chứng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|             | <b>TỔNG ĐIỂM</b>                                                                                    | <b>64.50</b> | <b>62.485</b>    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| <b>1.</b>   | <b>CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CCHC</b>                                                              | <b>8.00</b>  | <b>8.00</b>      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| <b>1.1.</b> | <b>Thực hiện kế hoạch CCHC</b>                                                                      | <b>1.50</b>  | <b>1.50</b>      | Hoàn thành 32/32 nhiệm vụ theo Kế hoạch CCHC tỉnh Gia Lai năm 2025, <b>đạt tỷ lệ 100%</b> (không bao gồm 02 nhiệm vụ đã được UBND tỉnh thống nhất rút khỏi Kế hoạch: (i) Ban hành Quy chế quản lý, vận hành “Hệ thống quản lý dữ liệu thủ tục hành chính”; (ii) Xây dựng Kho lưu trữ số của tỉnh).<br><b>Tài liệu kiểm chứng:</b><br>- Kế hoạch CCHC tỉnh Gia Lai năm 2025 (Quyết định số 697/QĐ-UBND ngày 14/7/2025).<br>- Báo cáo CCHC năm 2025 (Báo cáo số 177/BC-UBND ngày 20/12/2025).<br>- 02 Công văn thống nhất rút nhiệm vụ khỏi Kế hoạch CCHC: Công văn số 6338/UBND-PVHCC ngày 11/11/2025 và Công văn số 8585/UBND-NC ngày 26/12/2025). |
| <b>1.2.</b> | <b>Thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ</b>                                                        | <b>0.50</b>  | <b>0.50</b>      | Các Báo cáo CCHC định kỳ trong năm 2025 đảm bảo số lượng, nội dung và thời hạn theo quy định.<br><b>Tài liệu kiểm chứng:</b><br>- Báo cáo CCHC quý I, 6 tháng của tỉnh Bình Định và Gia Lai cũ.<br>- Báo cáo CCHC quý III (Báo cáo số 68/BC-UBND ngày 20/9/2025)<br>- Báo cáo CCHC năm 2025 (Báo cáo số 177/BC-UBND ngày 20/12/2025).                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| <b>1.3.</b> | <b>Công tác kiểm tra CCHC</b>                                                                       | <b>2.00</b>  | <b>2.00</b>      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 1.3.1.      | Tỷ lệ cơ quan chuyên môn (CQCM) cấp tỉnh và đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp xã được kiểm tra trong năm | 1.00         | 1.00             | Tỉnh Gia Lai đã triển khai kiểm tra công tác CCHC tại 02/14 cơ quan chuyên môn, 42/135 xã, phường theo Kế hoạch kiểm tra công tác CCHC năm 2025 của tỉnh. Ngoài ra, tỉnh đã tiến hành kiểm tra công vụ tại 32/135 xã, phường, 05/14 sở ngành thuộc tỉnh. Tổng cộng: đã kiểm tra 81/149 cơ quan, đơn vị, tỷ lệ 54%.<br><b>Tài liệu kiểm chứng:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |

| STT    | Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần   | Điểm tối đa | Điểm tự đánh giá | Giải trình / Tài liệu kiểm chứng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|--------|-----------------------------------------|-------------|------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|        |                                         |             |                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch kiểm tra công tác CCHC năm 2025 (Quyết định số 1071/QĐ-UBND ngày 07/8/2025 của UBND tỉnh). Báo cáo kết quả kiểm tra của Đoàn kiểm tra.</li> <li>- Kế hoạch kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ, văn hóa công sở (Quyết định số 1022/QĐ-UBND ngày 04/8/2025); Báo cáo số 206/BC-SNV ngày 19/12/2025 của Sở Nội vụ về kết quả kiểm tra công vụ năm 2025.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 1.3.2. | Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra | 1.00        | 1.00             | <p>Qua kiểm tra, các đoàn kiểm tra đã nêu ra tổng cộng 262 những vấn đề cần khắc phục trong công tác CCHC của 44 cơ quan, địa phương (trung bình 05-08 vấn đề/đơn vị). Qua công tác theo dõi và báo cáo khắc phục của các cơ quan, địa phương, các đơn vị đã khắc phục được 100% vấn đề do Đoàn kiểm tra nêu ra đối với từng đơn vị.</p> <p><b>Tài liệu kiểm chứng:</b> Các Thông báo kết luận của Đoàn kiểm tra, Báo cáo khắc phục kiến nghị kiểm tra của các đơn vị.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 1.4.   | Công tác tuyên truyền CCHC              | 1.50        | 1.50             | <p><b>1. Mức độ đa dạng kênh tuyên truyền CCHC:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỉnh đã tổ chức hội nghị tập huấn chuyên đề CCHC cho đội ngũ CBCC cấp xã vào ngày 26/7/2025 (Kế hoạch số 93/KH-VPUBND ngày 18/7/2025 của Văn phòng UBND tỉnh về việc tập huấn nghiệp vụ cho CBCC cấp xã, phường năm 2025).</li> <li>- Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Báo và phát thanh, truyền hình Gia Lai thường xuyên tuyên truyền, đưa tin bài về công tác CCHC. Cổng Thông tin điện tử tỉnh đăng khoảng 135 tin, bài về công tác CCHC. Báo và phát thanh, truyền hình đã thực hiện khoảng 100 tin, bài liên quan đến công tác CCHC, chuyển đổi số và triển khai Đề án 06. Một nội dung phóng sự trên truyền hình như: “Nỗ lực CCHC ngay từ cơ sở”; “Phát huy tinh thần phục vụ nhân dân, nâng cao hiệu quả trong giải quyết TTHC”; “Sự chủ động của các xã vùng khó khăn trong việc nâng cao chất lượng phục vụ người dân”; “Xây dựng nền hành chính gần dân thông qua những việc làm cụ thể”...</li> <li>- Tuyên truyền thông qua hình thức khác như Zalo OA Hành chính công tỉnh Gia Lai, Chính quyền số tỉnh Gia Lai.</li> </ul> |

| STT  | Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần            | Điểm tối đa | Điểm tự đánh giá | Giải trình / Tài liệu kiểm chứng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|------|--------------------------------------------------|-------------|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|      |                                                  |             |                  |   <p>Hành chính công tỉnh Gia Lai</p> <p>Gia Lai vươn lên top 2/34 tỉnh thành về chỉ số phục vụ người dân 2025</p>  <p>Chính quyền số tỉnh Gia Lai</p> <p>Gia Lai nâng cao năng lực thống kê, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý du lịch</p> <p>Sở Tài Chính tỉnh Gia Lai triển khai kỷ sở 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực doanh nghiệp từ 10/01/2026</p>  <p>Chính quyền số tỉnh Gia Lai</p> <p>Gia Lai quyết liệt cải cách thủ tục hành chính, tạo bứt phá trong thu hút đầu tư</p> <p><b>2. Mức độ quan tâm của cá nhân, tổ chức đến chuyên mục CCHC trên Cổng TTĐT của tỉnh:</b> Chuyên mục “Cải cách hành chính” trên Cổng TTĐT của tỉnh đạt 51.905 lượt xem.</p> <p><b>Tài liệu kiểm chứng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 07/8/2025 tuyên truyền CCHC năm 2025.</li> <li>- Báo cáo CCHC năm 2025 (Báo cáo số 177/BC-UBND ngày 20/12/2025).</li> <li>- Kế hoạch số 93/KH-VPUBND ngày 18/7/2025 của Văn phòng UBND tỉnh</li> <li>- Chuyên mục Cải cách hành chính: <a href="https://gialai.gov.vn/tin-tuc/chuyen-de/cai-cach-hanh-chinh">https://gialai.gov.vn/tin-tuc/chuyen-de/cai-cach-hanh-chinh</a></li> </ul> |
| 1.5. | Đổi mới, sáng tạo trong triển khai nhiệm vụ CCHC | 1.50        | 1.50             | <p><b>1. Ứng dụng “Kiosk lấy số thứ tự và đánh giá hài lòng”</b> (triển khai tại Công văn số 161/VPUBND-PVHCC ngày 01/8/2025)</p> <p>Lợi ích: hỗ trợ các cơ quan, địa phương triển khai lấy số thứ tự trực tuyến và đánh giá mức độ hài lòng đối với công tác tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC; giảm chi phí mua sắm trang thiết bị lấy số thứ tự tự động.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |

| STT  | Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần                          | Điểm tối đa | Điểm tự đánh giá | Giải trình / Tài liệu kiểm chứng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|------|----------------------------------------------------------------|-------------|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|      |                                                                |             |                  | <p><b>2. Ban hành Quy trình liên thông TTHC lĩnh vực Đất đai – Thuế trên địa bàn tỉnh (Quyết định số 2157/QĐ-UBND ngày 09/10/2025)</b><br/> Lợi ích: (i) Người dân, doanh nghiệp có thể dễ dàng sử dụng điện thoại thông minh chụp giấy tờ Chứng từ nộp tiền và gửi trực tuyến cho cơ quan liên quan thông qua mã QR được in sẵn trên Phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả hồ sơ, giúp giảm ít nhất 02 lượt đi/lại khi thực hiện các TTHC lĩnh vực đất đai. (ii) Góp phần khuyến khích cho người dân, doanh nghiệp sử dụng ứng dụng eTax Mobile để nhận Thông báo nộp tiền, thanh toán trực tuyến.</p> <p><b>3. Triển khai thí điểm mô hình Ki – ốt dịch vụ công tại trụ sở của 10 đơn vị lực lượng vũ trang trên địa bàn tỉnh (Kế hoạch số 134/KH-UBND ngày 07/12/2025 của UBND tỉnh)</b><br/> Lợi ích: (i) giúp người dân tiếp cận với dịch vụ công trực tuyến một cách nhanh chóng, thuận lợi, nhất là vùng sâu vùng xa, nơi người dân còn hạn chế trong việc thực hiện dịch vụ công. (ii) Thể hiện sự quan tâm hơn nữa của chính quyền đối với người dân trong bối cảnh thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp. (iii) Gắn kết hơn nữa tình quân dân, giúp nắm chắc địa bàn, nắm chắc đối tượng góp phần đảm bảo an ninh, quốc phòng tại địa phương.</p> <p><b>4. Ban hành Quy chế phối hợp giải quyết TTHC về đầu tư, xây dựng, đất đai, lâm nghiệp, môi trường và phòng cháy chữa cháy trên địa bàn tỉnh (Quyết định số 3263/QĐ-UBND ngày 29/12/2025).</b><br/> Lợi ích: rút ngắn thời gian giải quyết các TTHC đối với dự án ngoài khu kinh tế, khu công nghiệp từ 242 ngày xuống còn 60 ngày và các dự án trong khu kinh tế, khu công nghiệp từ 145 ngày xuống còn 38 ngày.</p> <p><b>Tài liệu kiểm chứng:</b><br/> - Công văn số 161/VPUBND-PVHCC ngày 01/8/2025.<br/> - Quyết định số 2157/QĐ-UBND ngày 09/10/2025.<br/> - Kế hoạch số 134/KH-UBND ngày 07/12/2025.<br/> - Quyết định số 3263/QĐ-UBND ngày 29/12/2025.</p> |
| 1.6. | <b>Đối thoại của lãnh đạo tỉnh với người dân, doanh nghiệp</b> | 1.00        | 1.00             | <p><b>1. Thực hiện quy định về tiếp công dân:</b> Chủ tịch UBND tỉnh tiếp công dân định kỳ hàng tháng theo quy định.</p> <p><b>Tài liệu kiểm chứng:</b> các Thông báo ý kiến kết luận của Chủ tịch UBND</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |

| STT    | Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần                                  | Điểm tối đa | Điểm tự đánh giá | Giải trình / Tài liệu kiểm chứng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|--------|------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|        |                                                                        |             |                  | <p>tỉnh tại buổi tiếp công dân định kỳ hàng tháng.</p> <p><b>2. Đối thoại với doanh nghiệp:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lãnh đạo UBND tỉnh đã chủ trì ít nhất 05 Hội nghị đối thoại:</li> <li>+ Hội nghị gặp mặt, đối thoại giữa Lãnh đạo tỉnh Gia Lai với các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh vào ngày 29/7/2025 theo Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 22/7/2025.</li> <li>+ Hội nghị gặp mặt, đối thoại giữa Lãnh đạo tỉnh với các doanh nghiệp có hoạt động xuất nhập khẩu tại Khu kinh tế Cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh vào ngày 27/9/2025 theo Kế hoạch số 60/KH-UBND ngày 09/9/2025.</li> <li>+ Hội nghị gặp mặt, đối thoại với doanh nghiệp để tháo gỡ khó khăn thúc đẩy môi trường đầu tư kinh doanh vào ngày 17/9/2025, ngày 10/10/2025, ngày 24/10/2025.</li> <li>- Các sở ngành đã tham mưu giải quyết <b>44/44</b> nội dung kiến nghị của người dân, doanh nghiệp theo chỉ đạo tại các Thông báo kết luận, đạt tỷ lệ 100%.</li> </ul> <p><b>Tài liệu kiểm chứng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 22/7/2025, Thông báo kết luận số 127/TB-UBND ngày 04/8/2025.</li> <li>- Kế hoạch số 60/KH-UBND ngày 09/9/2025, Thông báo kết luận số 266/TB-UBND ngày 07/10/2025.</li> <li>- Các Thông báo kết luận tại Hội nghị gặp mặt, đối thoại với doanh nghiệp ngày 17/9/2025 (Thông báo số 225/TB-UBND ngày 19/9/2025), ngày 10/10/2025 (Thông báo số 293/TB-UBND ngày 16/10/2025), ngày 24/10/2025 (Thông báo số 334/TB-UBND ngày 30/10/2025).</li> <li>- Các văn bản đề xuất, xử lý kiến nghị của các sở, ngành.</li> </ul> |
| 1.7.   | Thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao: 1.50 điểm | -           | -                | Địa phương không tự đánh giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 2.     | <b>CẢI CÁCH THỂ CHẾ</b>                                                | <b>5.00</b> | <b>5.00</b>      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 2.1.   | <b>Tổ chức thi hành pháp luật</b>                                      | <b>2.00</b> | <b>2.00</b>      | <p>Đã ban hành Kế hoạch, tổ chức kiểm tra công tác thi hành pháp luật và kiến nghị xử lý kết quả thi hành VBQPPL theo quy định.</p> <p><b>Tài liệu kiểm chứng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định số 239/QĐ-UBND ngày 13/3/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh kiểm tra công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật và công tác thi hành</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 2.1.1. | Kiểm tra công tác tổ chức thi hành pháp luật                           | 1.00        | 1.00             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 2.1.2. | Xử lý kết quả thi hành văn bản quy phạm                                | 1.00        | 1.00             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |

| STT    | Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần                                            | Điểm tối đa | Điểm tự đánh giá | Giải trình / Tài liệu kiểm chứng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|--------|----------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|        | pháp luật (VBQPPL)                                                               |             |                  | <p>pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;</p> <p>- Báo cáo số 19/BC-ĐKT ngày 17/6/2025 của Đoàn kiểm tra kết quả kiểm tra công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2025.</p> <p>- Báo cáo số 101/BC-STP ngày 18/4/2025 kết quả điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật năm 2025.</p> <p>- Báo cáo số 199/BC-STP ngày 30/9/2025 của Sở Tư pháp kết quả điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật năm 2025.</p> <p>- Báo cáo số 27/BC-STP ngày 22/7/2025 của Sở Tư pháp kiến nghị giải pháp tháo gỡ những “điểm nghẽn” do quy định pháp luật để bảo đảm thực hiện mục tiêu năm 2025 cơ bản hoàn thành việc tháo gỡ những “điểm nghẽn” do quy định pháp luật.</p> <p>- Báo cáo số 81/BC-UBND ngày 01/10/2025 của UBND tỉnh Gia Lai báo cáo kết quả rà soát, đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật để tháo gỡ bất cập, khó khăn, vướng mắc do quy định pháp luật.</p> <p>- Báo cáo số 162/BC-UBND ngày 08/12/2025 của UBND tỉnh công tác tổ chức thi hành pháp luật năm 2025.</p> |
| 2.2.   | <b>Công bố danh mục VBQPPL hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực định kỳ hàng năm</b> | <b>0.50</b> | <b>0.50</b>      | <p>Tỉnh đã công bố kịp thời, đúng quy định danh mục VBQPPL hết hiệu lực, ngưng hiệu lực theo quy định.</p> <p><b>Tài liệu kiểm chứng:</b></p> <p>- Quyết định số 172/QĐ-UBND ngày 14/01/2026 công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực của HĐND, UBND, Chủ tịch UBND tỉnh năm 2025.</p> <p>- Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 09/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục VBQPPL hết hiệu lực, ngưng hiệu lực thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của HĐND, UBND tỉnh Gia Lai năm 2024.</p> <p>- Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 13/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định Công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh hết hiệu lực toàn bộ và hết hiệu lực một phần trong kỳ rà soát văn bản năm 2024.</p>                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 2.3.   | <b>Kiểm tra, xử lý VBQPPL</b>                                                    | <b>1.50</b> | <b>1.50</b>      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 2.3.1. | Thực hiện kiểm tra văn bản theo thẩm quyền                                       | 0.50        | 0.50             | <p>Thực hiện kiểm tra văn bản đảm bảo theo quy định</p> <p><b>Tài liệu kiểm chứng:</b></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |

| STT       | Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần                            | Điểm tối đa  | Điểm tự đánh giá | Giải trình / Tài liệu kiểm chứng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|-----------|------------------------------------------------------------------|--------------|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|           |                                                                  |              |                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo số 150/BC-UBND ngày 28/11/2025 của UBND tỉnh tổng kết công tác tư pháp.</li> <li>- Báo cáo số 471/BC-STP ngày 12/12/2025 của Sở Tư pháp về công tác pháp chế; công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát VBQPPL ; cập nhật, khai thác, sử dụng VBQPPL trên Cơ sở dữ liệu Quốc gia về pháp luật; tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về VBQPPL năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.</li> <li>- Báo cáo số 179/BC-STP ngày 19/9/2025 của Sở Tư pháp về kết quả thực hiện nhiệm vụ Tư pháp 9 tháng đầu năm 2025 và định hướng chương trình công tác Quý IV năm 2025</li> </ul> |
| 2.3.2.    | Xử lý văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiến nghị  | 1.00         | 1.00             | <p>Từ ngày 01/01/2025 đến thời điểm báo cáo, tỉnh Gia Lai <i>(bao gồm tỉnh Bình Định và tỉnh Gia Lai trước sáp xếp)</i> <b>không phát sinh văn bản trái pháp luật</b> do cơ quan có thẩm quyền kiến nghị.</p> <p><b>Tài liệu kiểm chứng:</b> Báo cáo số 471/BC-STP ngày 12/12/2025 của Sở Tư pháp công tác pháp chế; công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát VBQPPL; cập nhật, khai thác, sử dụng VBQPPL trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật; tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về VBQPPL năm 2025.</p>                                                                                                           |
| 2.4.      | <b>Cập nhật văn bản trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật</b> | <b>1.00</b>  | <b>1.00</b>      | <p>Tỉnh đã cập nhật đầy đủ, kịp thời văn bản trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật theo quy định.</p> <p><b>Tài liệu kiểm chứng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo số 137/BC-STP ngày 09/9/2025 của Sở Tư pháp tổng kết 10 năm thực hiện Nghị định số 52/2015/NĐ-CP của Chính phủ về cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.</li> <li>- Báo cáo số 150/BC-UBND ngày 28/11/2025 của UBND tỉnh tổng kết công tác tư pháp.</li> </ul>                                                                                                                                                              |
| <b>3.</b> | <b>CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b>                               | <b>12.00</b> | <b>11.92</b>     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 3.1.      | <b>Kiểm soát quy định thủ tục hành chính (TTHC)</b>              | <b>1.00</b>  | <b>1.00</b>      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong năm 2025 không có TTHC ban hành trái thẩm quyền.</li> <li>- Chủ tịch UBND tỉnh đã thông qua Phương án đơn giản hóa đối với 14/14 TTHC. Theo đó, các Phương án đơn giản hóa TTHC đều kiến nghị cụ thể việc sửa đổi các VBQPPL quy định TTHC (tại mục Kiến nghị thực thi).</li> <li>- Hoàn thành các nhiệm vụ về thực thi phương án đơn giản hóa quy định 14 TTHC, 07 TTHC nội bộ.</li> </ul> <p><b>Tài liệu kiểm chứng:</b></p>                                                                                                                                          |



| STT         | Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần                              | Điểm tối đa | Điểm tự đánh giá | Giải trình / Tài liệu kiểm chứng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|-------------|--------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|             |                                                                    |             |                  | <p>- Khoản 3 Mục I Báo cáo số 179/BC-UBND ngày 23/12/2023 của UBND tỉnh về công tác kiểm soát TTHC năm 2025.</p> <p>- 05 Quyết định thông qua Phương án đơn giản hóa TTHC (Quyết định số 1521/QĐ-UBND ngày 21/08/2025, Quyết định số 1462/QĐ-UBND ngày 17/08/2025, Quyết định số 1434/QĐ-UBND ngày 15/8/2025, Quyết định số 960/QĐ-UBND ngày 31/7/2025, Quyết định số 1928/QĐ-UBND ngày 06/06/2025)</p> <p>- 04 Quyết định kiến nghị Bộ Tư pháp, Bộ Khoa học Công nghệ, Bộ Y tế, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch đơn giản thành phần hồ sơ (Quyết định số 1928/QĐ-UBND ngày 06/06/2025, Quyết định số 1434/QĐ-UBND ngày 15/8/2025, Quyết định số 1462/QĐ-UBND ngày 17/08/2025, Quyết định số 1521/QĐ-UBND ngày 21/08/2025)</p> <p>- 01 Quyết định số 1268/QĐ-UBND ngày 13/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh công bố sửa đổi thời gian giải quyết TTHC được cắt giảm; 01 Quyết định số 2295/QĐ-UBND ngày 20/10/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh công bố sửa đổi thời gian giải quyết TTHC nội bộ được cắt giảm</p> |
| <b>3.2.</b> | <b>Công bố, công khai TTHC và kết quả giải quyết hồ sơ</b>         | <b>3.50</b> | <b>3.50</b>      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 3.2.1.      | Công bố TTHC, danh mục TTHC theo quy định                          | 0.50        | 0.50             | <p>Trong năm 2025, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành 103 Quyết định công bố Danh mục với 1.196 TTHC (trong đó ban hành mới 185 TTHC, sửa đổi, bổ sung 859 TTHC, thay thế 37 TTHC; bãi bỏ 115 TTHC) kịp thời theo quy định.</p> <p><b>Tài liệu kiểm chứng:</b> Báo cáo kiểm soát TTHC năm 2025 (Báo cáo số 179/BC-UBND ngày 23/12/2025)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 3.2.2.      | Công khai TTHC và các quy định có liên quan                        | 1.50        | 1.50             | <p>100% TTHC được công khai đầy đủ, kịp thời trên Cổng DVC quốc gia, trên website của các sở, ngành, địa phương (thông qua banner Bộ TTHC) và tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã</p> <p><b>Tài liệu kiểm chứng:</b> Cổng DVC quốc gia, website các sở, ngành, địa phương</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 3.2.3.      | Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ trên Cổng DVC quốc gia | 1.00        | 1.00             | <p>Đã thực hiện đồng bộ 100% hồ sơ (770.180 hồ sơ) trên Cổng DVC quốc gia</p> <p><b>Tài liệu kiểm chứng:</b> Số liệu công khai trên Cổng DVC quốc gia</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |

| STT         | Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần                                                       | Điểm tối đa | Điểm tự đánh giá | Giải trình / Tài liệu kiểm chứng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|             |                                                                                             |             |                  |  <p>SỐ TTHC ĐƯỢC CÔNG KHAI ĐẦY ĐỦ CÁC NỘI DUNG QUY ĐỊNH VỀ CÁC BỘ PHẬN CẤU THÀNH: 100,0%</p> <p>TỶ LỆ HỒ SƠ ĐỒNG BỘ LÊN CÔNG DVCQG: 770/100</p>                                                                                                                                                    |
| 3.2.4.      | Công bố TTHC nội bộ cấp tỉnh                                                                | 0.50        | 0.50             | <p>Đã công bố 802/802 TTHC nội bộ (ban hành mới 450 thủ tục, sửa đổi bổ sung 153 thủ tục, thay thế 23 thủ tục, bãi bỏ 176 thủ tục)</p> <p><b>Tài liệu kiểm chứng:</b> Các quyết định công bố TTHC nội bộ</p>                                                                                                                                                                          |
| <b>3.3.</b> | <b>Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông</b>                                  | <b>2.50</b> | <b>2.50</b>      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 3.3.1.      | Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa                        | 1.50        | 1.50             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp nhận tại Trung tâm PVHCC tỉnh đối với 1.883/1.883 TTHC cấp tỉnh.</li> <li>- Tiếp nhận tại Trung tâm PVHCC cấp xã đối với 327/327 TTHC cấp xã.</li> <li>- Thực hiện 100% TTHC liên thông theo hướng dẫn của các Bộ, ngành.</li> </ul> <p><b>Tài liệu kiểm chứng:</b> Báo cáo CCHC năm 2025 (Báo cáo số 177/BC-UBND ngày 20/12/2025).</p> |
| 3.3.2.      | Tỷ lệ thực hiện TTHC không phụ thuộc địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh             | 1.00        | 1.00             | <p>100% TTHC được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính</p> <p><b>Tài liệu kiểm chứng:</b> các Quyết định ban hành danh mục TTHC thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh (Quyết định số 1768/QĐ-UBND ngày 12/09/2025, Quyết định số 2720/QĐ-UBND ngày 24/11/2025)</p>                                                                         |
| <b>3.4.</b> | <b>Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC</b>                                                        | <b>4.00</b> | <b>3.92</b>      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 3.4.1.      | Tỷ lệ hồ sơ TTHC do CQCM cấp tỉnh tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn              | 1.50        | 1.46             | <p>Tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn: 197.953/ 202.986 hồ sơ = 97,52%.</p> <p>Điểm số: 0,975 * 1.5 = 1.46 điểm</p> <p><b>Tài liệu kiểm chứng:</b> Báo cáo kiểm soát TTHC năm 2025 (Báo cáo số 179/BC-UBND ngày 23/12/2025)</p>                                                                                                                                                          |
| 3.4.2.      | Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn                | 1.50        | 1.46             | <p>Tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn: 446.602/ 457.149 hồ sơ = 97,69%.</p> <p>Điểm số: 0,976 * 1.5 = 1.46 điểm</p> <p><b>Tài liệu kiểm chứng:</b> Báo cáo kiểm soát TTHC năm 2025 (Báo cáo số 179/BC-UBND ngày 23/12/2025)</p>                                                                                                                                                          |
| 3.4.3.      | Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hạn trong giải quyết hồ sơ TTHC | 0.25        | 0.25             | <p>Tỉnh đã thực hiện theo quy định việc xin lỗi người dân, tổ chức khi giải quyết hồ sơ trễ hạn.</p> <p><b>Tài liệu kiểm chứng:</b> Báo cáo kiểm soát TTHC năm 2025 (Báo cáo số 179/BC-UBND ngày 23/12/2025)</p>                                                                                                                                                                      |

| STT         | Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần                                                                                            | Điểm tối đa | Điểm tự đánh giá | Giải trình / Tài liệu kiểm chứng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 3.4.4.      | Đánh giá chất lượng giải quyết TTHC của địa phương                                                                               | 0.75        | 0.75             | - 13/13 CQCM cấp tỉnh (tỷ lệ 100% cơ quan) có điểm số mức độ hài lòng đạt 18/18 điểm (loại xuất sắc).<br>- 133/135 UBND cấp xã (tỷ lệ 98,5% cơ quan) có điểm số mức độ hài lòng đạt 18/18 điểm (loại xuất sắc).<br><b>Tài liệu kiểm chứng:</b> Số liệu công khai trên Cổng DVC quốc gia                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| <b>3.5.</b> | <b><i>Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh</i></b> | <b>1.00</b> | <b>1.00</b>      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 3.5.1.      | Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh                                                | 0.75        | 0.75             | Đã tiếp nhận và giải quyết đúng hạn 2.331/2.331 PAKN, tỷ lệ 100%.<br><b>Tài liệu kiểm chứng:</b> Báo cáo số 179/BC-UBND ngày 23/12/2025 công tác kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử năm 2025.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 3.5.2.      | Công khai kết quả trả lời PAKN của cá nhân, tổ chức đối với quy định TTHC thuộc thẩm quyền của tỉnh                              | 0.25        | 0.25             | Đã công khai 100% kết quả xử lý PAKN trên Cổng DVC quốc gia<br><b>Tài liệu kiểm chứng:</b> Số liệu công khai trên Hệ thống phản ánh kiến nghị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| <b>4.</b>   | <b>CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY</b>                                                                                                   | <b>6.50</b> | <b>6.50</b>      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| <b>4.1.</b> | <b><i>Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị</i></b>                                                          | <b>6.50</b> | <b>6.50</b>      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 4.1.1.      | Hoàn thiện quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các CQCM cấp tỉnh và phòng chuyên môn cấp xã            | 1.00        | 1.00             | UBND tỉnh, UBND cấp xã đã triển khai các nội dung về sắp xếp, ban hành kịp thời các Quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của 14 cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và các phòng chuyên môn cấp xã theo đúng quy định tại Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ và các hướng dẫn của Bộ Nội vụ.<br><b>Tài liệu kiểm chứng:</b> Báo cáo số 171/BC-SNV ngày 25/11/2025 của Sở Nội vụ tình hình thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp trên địa bàn tỉnh.                                                                                                   |
| 4.1.2.      | <i>Thực hiện cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các cơ quan hành chính theo quy định</i>                                               | 1.50        | 1.50             | Đề án liên tịch số 05/ĐALT-UBND ngày 20/6/2025 giữa UBND tỉnh Bình Định và Gia Lai (trước đây) về sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn và đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh (khoản 6 mục III Phần III: Trong quá trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy và nhân sự, số lượng cấp phó có thể nhiều hơn số lượng quy định, nhưng chậm nhất sau 05 năm kể từ khi sắp xếp thì số lượng cấp phó phải thực hiện theo quy định).<br>Ngoài ra, Điều 4 Nghị định số 370/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Điều 6 Nghị định số 150/2025/NĐ-CP cũng quy định “ <i>Tại thời điểm sắp xếp tổ chức bộ máy</i> |

| STT    | Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần                                           | Điểm tối đa | Điểm tự đánh giá | Giải trình / Tài liệu kiểm chứng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|--------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|        |                                                                                 |             |                  | <p>nhà nước, số lượng cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thể nhiều hơn số lượng so với quy định. Chậm nhất là 05 năm kể từ ngày quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền có hiệu lực, số lượng cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị sau sắp xếp thực hiện đúng quy định". Do đó, các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh hiện nay đang thực hiện sắp xếp lãnh đạo đảm bảo chậm nhất là 05 năm kể từ khi sắp xếp, số lượng cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện theo quy định.</p> <p><b>Tài liệu kiểm chứng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảng thống kê số lượng cấp phó của từng sở, ngành và tương đương; số lượng cấp phó của người đứng đầu của từng phòng chuyên môn và tương đương thuộc sở, ngành; số lượng cấp phó của người đứng đầu của từng phòng chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp xã.</li> <li>- Báo cáo số 195/BC-SNV ngày 12/12/2025 của Sở Nội vụ kết quả thực hiện một số nội dung về tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức cấp xã. Báo cáo số 171/BC-SNV ngày 25/11/2025 tình hình thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp.</li> </ul> |
| 4.1.3. | Thực hiện sắp xếp, kiện toàn đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) theo quy định   | 1.00        | 1.00             | <p>Năm 2025, UBND tỉnh đã thực hiện sắp xếp, kiện toàn chức năng nhiệm vụ các đơn vị sự nghiệp công lập theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp đúng quy định và kịp thời. Trước sắp xếp: tỉnh Bình Định có 130 ĐVSNCL; tỉnh Gia Lai (cũ): 134 ĐVSNCL. Sau sắp xếp: tỉnh Gia Lai có 261 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh (09 đơn vị thuộc UBND tỉnh; 252 đơn vị thuộc sở, ngành). Hiện nay, tỉnh Gia Lai đang tiếp tục thực hiện việc sắp xếp, tinh gọn đơn vị sự nghiệp thuộc các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh (Phương án số 05/PA-UBND ngày 03/12/2025).</p> <p><b>Tài liệu kiểm chứng:</b> Báo cáo số 171/BC-SNV ngày 25/11/2025 của Sở Nội vụ tình hình thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp trên địa bàn tỉnh. Phương án số 05/PA-UBND ngày 03/12/2025.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 4.2.   | <b>Thực hiện các quy định về quản lý biên chế</b>                               | <b>1.00</b> | <b>1.00</b>      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 4.2.1. | Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính                               | 0.50        | 0.50             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biên chế cán bộ, công chức tạm giao năm 2025 của tỉnh là: 8.681 biên chế.</li> <li>- Số lượng biên chế đang sử dụng: 7.236 người.</li> </ul> <p><b>Tài liệu kiểm chứng:</b> Báo cáo CCHC năm 2025 (Báo cáo số 177/BC-UBND ngày 20/12/2025)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 4.2.2. | Thực hiện quy định về số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước | 0.50        | 0.50             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước tạm giao năm 2025 của tỉnh là: 52.991 biên chế;</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |

| STT         | Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần                                                                        | Điểm tối đa | Điểm tự đánh giá | Giải trình / Tài liệu kiểm chứng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|             | trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh                                                                 |             |                  | - Số viên chức hiện có mặt tại 01/9/2025: 46.515 người.<br><b>Tài liệu kiểm chứng:</b> Báo cáo CCHC năm 2025 (Báo cáo số 177/BC-UBND ngày 20/12/2025)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| <b>4.3.</b> | <b>Thực hiện phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước</b>                                                 | <b>2.00</b> | <b>2.00</b>      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 4.3.1.      | Thực hiện các quy định về phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước do Chính phủ và các bộ, ngành ban hành | 0.50        | 0.50             | Thực hiện đầy đủ, kịp thời các quy định về phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước tại các Nghị định của Chính phủ, Thông tư hướng dẫn của các Bộ, ngành trong từng ngành, lĩnh vực. UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện phân cấp, ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước. Kế hoạch đã xác định rõ danh mục nhiệm vụ quản lý nhà nước thực hiện phân cấp, ủy quyền theo ngành, lĩnh vực bảo đảm đúng quy định của Chính phủ, các bộ, ngành. Trên cơ sở đó, các sở, ngành đã tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh phân cấp, ủy quyền thực hiện các nhiệm vụ quản lý theo Kế hoạch.<br><b>Tài liệu kiểm chứng:</b> Kế hoạch số 93/KH-UBND ngày 14/10/2025 của UBND tỉnh; Báo cáo số 201/BC-SNV ngày 17/12/2025 của Sở Nội vụ. |
| 4.3.2.      | Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp, phân quyền cho cấp xã              | 0.50        | 0.50             | Sở Nội vụ đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai công tác kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp, ủy quyền.<br><b>Tài liệu kiểm chứng:</b> Công văn số 3815/SNV-TCBC ngày 14/11/2025 về việc báo cáo kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch số 93/KH-UBND của UBND tỉnh phân cấp, ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 4.3.3.      | Xử lý các vấn đề về phân cấp, phân quyền phát hiện qua thanh tra, kiểm tra                                   | 1.00        | 1.00             | Qua kiểm tra, chưa phát sinh các vấn đề cần xử lý về phân cấp, ủy quyền kể từ khi triển khai thực hiện Kế hoạch của UBND tỉnh.<br><b>Tài liệu kiểm chứng:</b> Báo cáo số 201/BC-SNV ngày 17/12/2025 của Sở Nội vụ.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| <b>5.</b>   | <b>CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ</b>                                                                               | <b>5.50</b> | <b>5.00</b>      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| <b>5.1.</b> | <b>Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm</b>                                            | <b>1.75</b> | <b>1.75</b>      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 5.1.1.      | Cập nhật, hoàn thiện quy định về vị trí việc làm của cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý                  | 0.25        | 0.25             | Các cơ quan thuộc tỉnh tiếp tục thực hiện theo Đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt. Sau khi sắp xếp đơn vị hành chính, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nội vụ ban hành tạm thời vị trí việc làm cấp xã.<br><b>Tài liệu kiểm chứng:</b><br>- Báo cáo số 59/BC-SNV ngày 09/4/2024 kết quả xây dựng, phê duyệt Đề án vị trí việc làm tỉnh Bình Định. Báo cáo số 75/BC-UBND ngày 24/4/2024 kết quả xây dựng, phê duyệt Đề án vị trí việc làm tỉnh Gia Lai (cũ).<br>- Công văn số 416/SNV-TCBC ngày 24/7/2025 hướng dẫn tạm thời vị trí việc                                                                                                                                                                                                                            |

| STT         | Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần                                                                | Điểm tối đa | Điểm tự đánh giá | Giải trình / Tài liệu kiểm chứng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|             |                                                                                                      |             |                  | làm cấp xã.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 5.1.2.      | Tỷ lệ cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt | 0.75        | 0.75             | Trong thời gian chưa có quy định mới của Chính phủ, các cơ quan, đơn vị thực hiện theo các Quyết định vị trí việc làm đã được phê duyệt trước đây.<br><b>Tài liệu kiểm chứng:</b> Bản mô tả công việc, Khung năng lực của 05 cơ quan: Sở Nội vụ, Sở Công Thương, Sở Tài chính, Ban Quản lý Khu kinh tế, Sở Y tế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 5.1.3.      | Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt          | 0.75        | 0.75             | Thực hiện theo các Quyết định vị trí việc làm đã được phê duyệt trước đây, hiện các đơn vị sự nghiệp đã phê duyệt vị trí việc làm và bố trí viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt.<br><b>Tài liệu kiểm chứng:</b> Bản mô tả công việc, Khung năng lực của 05 đơn vị: Quỹ Phát triển khoa học công nghệ, Trường Cao đẳng Y tế, Văn phòng điều phối về biến đổi khí hậu, Vườn quốc gia Kon Ka Kinh, Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông.                                                                                                                                                                                                      |
| <b>5.2.</b> | <b>Tuyển dụng công chức, viên chức</b>                                                               | <b>0.50</b> | <b>0.50</b>      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 5.2.1.      | Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức tại CQCM cấp tỉnh, cấp xã                                 | 0.25        | 0.25             | Năm 2025 tỉnh Gia Lai (sau sắp xếp) chưa thực hiện tuyển dụng công chức. Đối với kỳ tuyển dụng năm 2024 của tỉnh Gia Lai (cũ), UBND tỉnh đang xem xét bố trí, tuyển dụng đối với thí sinh dự kiến trúng tuyển, kỳ thi tuyển công chức năm 2024 của tỉnh Gia Lai (cũ)<br><b>Tài liệu kiểm chứng:</b> Kế hoạch số 791/KH-UBND ngày 05/4/2024 của UBND tỉnh.                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 5.2.2.      | Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức tại các ĐVSNCL thuộc tỉnh                                 | 0.25        | 0.25             | Năm 2025, tỉnh không có đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh thực hiện tuyển dụng viên chức                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| <b>5.3.</b> | <b>Bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý</b>                                                      | <b>0.75</b> | <b>0.75</b>      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 5.3.1.      | Thực hiện quy định về bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý                                       | 0.75        | 0.75             | Thực hiện bổ nhiệm lãnh đạo cấp sở và tương đương; lãnh đạo cấp phòng và tương đương thuộc sở, ngành; lãnh đạo cấp phòng và tương đương thuộc UBND cấp xã theo đúng tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý các cấp; đúng quy trình, quy định và phân cấp quản lý của tỉnh.<br><b>Tài liệu kiểm chứng:</b><br>- Bảng thống kê danh sách lãnh đạo cấp sở, lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, thuộc UBND cấp xã được bổ nhiệm trong năm.<br>- Báo cáo số 195/BC-SNV ngày 12/12/2025 kết quả thực hiện một số nội dung về tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức cấp xã. Báo cáo số 171/BC-SNV ngày 25/11/2025 tình hình thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp. |

| STT    | Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần                                                                | Điểm tối đa | Điểm tự đánh giá | Giải trình / Tài liệu kiểm chứng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|--------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 5.4.   | Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức                              | 1.50        | 1.00             | Trong năm, có 02 Phó Chủ tịch UBND cấp xã (xã Chư Sê và xã Al Bá) đã thi hành kỷ luật bằng hình thức Khiển trách                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 5.5.   | Công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức                                                     | 1.00        | 1.00             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 5.5.1. | Mức độ thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức              | 1.00        | 1.00             | Tổ chức 22/22 lớp cho 6.276 cán bộ, công chức.<br><b>Tài liệu kiểm chứng:</b> Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 09/7/2025 của UBND tỉnh; Báo cáo số 37/BC-SNV ngày 02/8/2025 của Sở Nội vụ.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 6.     | <b>CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG</b>                                                                       | <b>8.00</b> | <b>7.19</b>      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 6.1.   | <b>Tổ chức thực hiện công tác tài chính – ngân sách</b>                                              | <b>3.00</b> | <b>1.94</b>      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 6.1.1. | Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước (NSNN)                                    | 1.00        | 0.98             | Kế hoạch vốn năm 2025 Thủ tướng Chính phủ giao: 15.300,065 triệu đồng. Giá trị giải ngân đạt 15.045,701 triệu đồng, đạt = 98,3%.<br><b>Tài liệu kiểm chứng:</b> Báo cáo số 54/BC-STC ngày 16/01/2026 của Sở Tài chính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 6.1.2. | Thực hiện quy định về việc sử dụng kinh phí nguồn từ NSNN                                            | 1.00        | 1.00             | Không xảy ra sai phạm trong việc sử dụng kinh phí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 6.1.3. | Thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách          | 1.00        | 0.96             | Theo Biên bản của Sở Tài chính về tiến độ thực hiện khắc phục kiến nghị của KTNN về ngân sách địa phương năm 2024 và các năm trước<br>Tổng số tiền phải nộp: 5.748.404.559.240 đồng; đã nộp ngân sách : 5.532.432.902.328 đồng; đạt tỷ lệ 96,2%<br><b>Tài liệu kiểm chứng:</b> Văn bản số 431/KV VIII-TH của Kiểm toán Nhà nước khu vực VIII; Báo cáo kiểm tra thực hiện kiến nghị kiểm toán năm 2025 tại tỉnh Gia Lai; Báo cáo số 539/BC-STC ngày 29/12/2025 của Sở Tài chính.                                                                                                                                                                 |
| 6.2.   | <b>Công tác quản lý, sử dụng tài sản công</b>                                                        | <b>2.00</b> | <b>2.00</b>      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 6.2.1. | Ban hành các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý | 0.75        | 0.75             | Đã ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.<br><b>Tài liệu kiểm chứng:</b><br>- Quyết định số 39/2025/QĐ-UBND ngày 24/10/2025 của UBND tỉnh Ban hành quy định phân cấp thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.<br>- Quyết định số 44/2025/QĐ-UBND ngày 20/11/2025 của UBND tỉnh phân cấp thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai.<br>- Quyết định số 71/2025/QĐ-UBND ngày 04/12/2025 của UBND tỉnh Quy định |

| STT    | Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần                                      | Điểm tối đa | Điểm tự đánh giá | Giải trình / Tài liệu kiểm chứng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|--------|----------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|        |                                                                            |             |                  | <p>tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng (trừ xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế) trang bị cho cơ quan, tổ chức, đơn vị</p> <p>- Quyết định số 75/2025/QĐ-UBND ngày 07/12/2025 của UBND tỉnh Phân cấp thẩm quyền quyết định khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung tại các cơ quan, tổ chức đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 6.2.2. | Tổ chức thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công            | 0.50        | 0.50             | <p>1. Ban hành đầy đủ các văn bản chỉ đạo để triển khai các Chỉ thị, Công điện, văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính về quản lý, sử dụng tài sản công như: Công văn triển khai Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 26/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phát huy kết quả Tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý và nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản công; triển khai Công điện số 80/CĐ-TTg ngày 01/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh công tác triển khai thực hiện phương án xử lý tài sản sau sắp xếp, tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính các cấp; triển khai Công điện số 68/CĐ-TTg ngày 20/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về sắp xếp, xử lý trụ sở, cơ sở vật chất khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính các cấp. Các Công văn hướng dẫn xử lý tài sản công khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy; hướng dẫn việc bàn giao, quản lý, xử lý tài sản công là tài sản kết cấu hạ tầng, tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân, tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước khi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính...</p> <p>2. Chấp hành chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất về quản lý, sử dụng tài sản công gồm:</p> <p>- Công văn số 1724/UBND-TH ngày 05/03/2025 của UBND tỉnh Bình Định (cũ) báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2024.</p> <p>- Công văn số 602/STC-QLGCS ngày 27/02/2025 của Sở Tài chính về việc báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2024.</p> <p><b>Tài liệu kiểm chứng:</b> có các Công văn kèm theo</p> |
| 6.2.3. | Thực hiện quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý | 0.75        | 0.75             | <p>100% số cơ sở nhà, đất trở lên được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý</p> <p>1. Số cơ sở nhà, đất trên địa bàn tỉnh Bình Định (cũ)</p> <p>- Số cơ sở nhà, đất phải sắp xếp: 3.857 cơ sở.</p> <p>- Số cơ sở nhà đất đã được phê duyệt: 3.857 cơ sở</p> <p>2. Số cơ sở nhà, đất trên địa bàn tỉnh Gia Lai (cũ)</p> <p>- Số cơ sở nhà, đất phải sắp xếp: 3.420 cơ sở</p> <p>- Số cơ sở nhà đất đã được phê duyệt: 3420 cơ sở</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |



| STT | Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần | Điểm tối đa | Điểm tự đánh giá | Giải trình / Tài liệu kiểm chứng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|-----|---------------------------------------|-------------|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                       |             |                  | <p><b>Tài liệu kiểm chứng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Quyết định số 979/QĐ-UBND ngày 01/8/2025 của UBND tỉnh về việc giao trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan, đơn vị thuộc cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bình Định đã chấm dứt hoạt động sang cho UBND cấp xã và cơ quan, đơn vị để quản lý, sử dụng.</li> <li>+ Quyết định số 2520/QĐ-UBND ngày 08/11/2025 về việc phê duyệt phương án xử lý đối với 894 cơ sở nhà, đất dôi dư của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai.</li> <li>+ Quyết định số 113/QĐ-UBND ngày 10/01/2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý theo hình thức giữ lại tiếp tục sử dụng đối với 36 cơ sở nhà, đất trên địa bàn tỉnh Gia Lai.</li> </ul> <p><b>* Các Quyết định của Bình Định cũ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Quyết định số 4787/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh (đợt 1).</li> <li>+ Quyết định số 5018/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh (đợt 2).</li> <li>+ Quyết định số 555/QĐ-UBND ngày 24/02/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Về việc phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đối với 03 cơ sở nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước do Trung tâm Phát triển nhà và Tư vấn xây dựng thuộc Sở Xây dựng quản lý.</li> <li>+ Quyết định số 1307/QĐ-UBND ngày 21/4/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh.</li> <li>+ Quyết định số 3266/QĐ-UBND ngày 06/10/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý đối với 06 cơ sở nhà, đất của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.</li> <li>+ Quyết định số 294/QĐ-UBND ngày 01/02/2023 của UBND tỉnh về phê duyệt bổ sung và thay đổi phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bình Định.</li> <li>+ Quyết định số 4114/QĐ-UBND ngày 27/11/2024 của UBND tỉnh về</li> </ul> |

| STT         | Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần                                                                 | Điểm tối đa  | Điểm tự đánh giá | Giải trình / Tài liệu kiểm chứng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|             |                                                                                                       |              |                  | <p>phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý đối với 406 cơ sở nhà, đất của cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bình Định.</p> <p>+ Quyết định số 1848/QĐ-UBND ngày 30/5/2025 của UBND tỉnh phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý đối với cơ sở nhà, đất của Trường Cao đẳng Kỹ thuật công nghệ Quy Nhơn tại số 172 đường An Dương Vương, thành phố Quy Nhơn.</p> <p><b>* Các Quyết định của Gia Lai cũ:</b></p> <p>+ Quyết định số 749/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của các cơ quan, đơn vị thuộc khối Đảng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.</p> <p>+ Quyết định số 748/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh.</p> <p>+ Quyết định số 747/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai.</p> |
| <b>6.3.</b> | <b>Thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL)</b>                     | <b>3.00</b>  | <b>2.25</b>      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 6.3.1.      | Số đơn vị SNCL tự bảo đảm chi thường xuyên                                                            | 0.25         | 0.25             | <p>Số đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên 6 tháng đầu năm là 87 đơn vị (Bình Định 35 đơn vị, Gia Lai trước sắp xếp 52 đơn vị). Đến thời điểm báo cáo tháng 10 là 93 đơn vị, tăng 6 đơn vị.</p> <p><b>Tài liệu kiểm chứng:</b> Báo cáo số 244/BC-STC ngày 03/10/2025 của Sở Tài chính.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 6.3.2.      | Số đơn vị SNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên                                                   | 0.75         | 0                | Không có thêm đơn vị tăng mức tự bảo đảm chi thường xuyên.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 6.3.3.      | Thực hiện quy định về sử dụng các nguồn tài chính và phân phối kết quả tài chính tại các đơn vị SNCL. | 1.00         | 1.00             | Không có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 6.3.4.      | Tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp công lập                                      | 1.00         | 1.00             | <p>Tổng chi NSNN năm 2024: 11.738.273 triệu đồng</p> <p>Tổng chi NSNN ước thực hiện năm 2025: 11.337.257 triệu đồng</p> <p><b>Tài liệu kiểm chứng:</b> Công văn số 1025/STC-TCHCSN ngày 05/8/2025 của Sở Tài chính</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| <b>7.</b>   | <b>CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC</b>                                                       | <b>15.00</b> | <b>15.00</b>     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |

| STT         | Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần                                                                                                                                                                                                             | Điểm tối đa | Điểm tự đánh giá | Giải trình / Tài liệu kiểm chứng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>7.1.</b> | <b>Tỷ lệ hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số</b>                                                                                                                                                                                          | <b>1.50</b> | <b>1.50</b>      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|             | Tỷ lệ hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra theo kế hoạch của tỉnh: 1.00                                                                                                                                                                        | 1.00        | 1.00             | Hoàn thành 100% các nhiệm vụ có thời hạn hoàn thành trong năm 2025 của Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 27/10/2025.<br><b>Tài liệu kiểm chứng:</b> Báo cáo số 0251/BC-SKHCN ngày 21/12/2025 về Báo cáo chuyển đổi số năm 2025 (Phụ lục III)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|             | Tỷ lệ hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ được giao ngoài kế hoạch: 0.50                                                                                                                                                                            | 0.50        | 0.50             | Hoàn thành 100% nhiệm vụ được giao ngoài Kế hoạch.<br><b>Tài liệu kiểm chứng:</b> Báo cáo số 0251/BC-SKHCN ngày 21/12/2025 về Báo cáo chuyển đổi số năm 2025 (Phụ lục V)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| <b>7.2.</b> | <b>Phát triển các nền tảng, cơ sở dữ liệu</b>                                                                                                                                                                                                     | <b>3.50</b> | <b>3.50</b>      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 7.2.1.      | Triển khai, cập nhật Khung Kiến trúc số cấp tỉnh                                                                                                                                                                                                  | 0.50        | 0.50             | Đã phê duyệt Khung kiến trúc số của tỉnh.<br><b>Tài liệu kiểm chứng:</b> Quyết định số 3388/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Khung kiến trúc số tỉnh Gia Lai.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 7.2.2.      | Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây<br>- Triển khai Trung tâm dữ liệu: 0.5<br>- Tỷ lệ hệ thống thông tin dùng chung có sử dụng dịch vụ điện toán đám mây của Trung tâm dữ liệu: 0.5 | 1.00        | 1.00             | - Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây.<br>- 8/8 (100%) hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh sử dụng dịch vụ điện toán đám mây của Trung tâm dữ liệu, gồm: Trang thông tin điện tử các cơ quan, đơn vị nhà nước; Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành; Hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh; Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP); Hệ thống Giám sát an toàn thông tin của Trung tâm Tích hợp dữ liệu (SOC); Hệ thống Kinh tế - Xã hội 02 cấp; Hệ thống Công dân số (iGiaLai); Trung tâm Giám sát điều hành đô thị thông minh (IOC).<br><b>Tài liệu kiểm chứng:</b> Báo cáo số 0251/BC-SKHCN ngày 21/12/2025 về Báo cáo chuyển đổi số năm 2025.                                         |
| 7.2.3.      | Mức độ ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI)                                                                                                                                                                                                             | 1.00        | 1.00             | - Đã vận hành Hệ thống Trợ lý ảo của tỉnh tại địa chỉ <a href="https://trolyao.gialai.gov.vn">https://trolyao.gialai.gov.vn</a> , sử dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo nhằm hỗ trợ toàn diện cho người dân, doanh nghiệp và cơ quan nhà nước trong quá trình tra cứu thông tin.<br>- Ứng dụng AI phục vụ người dân, doanh nghiệp: Áp dụng công nghệ AI nhận diện khuôn mặt kết hợp xác thực danh tính bằng thẻ Căn cước công dân gắn chip điện tử trong mô hình thi trực tuyến tập trung. Ứng dụng công nghệ AI trong nhận dạng hình ảnh để kiểm soát và thu phí tự động đối với phương tiện sử dụng dịch vụ vận tải tại các bến xe và bãi đỗ xe đô thị<br>- Một số ứng dụng AI nâng cao khác:<br>+ Trung tâm Khám phá Khoa học và Đổi mới sáng tạo đã ứng dụng AI trong |

| STT         | Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần                                                                               | Điểm tối đa | Điểm tự đánh giá | Giải trình / Tài liệu kiểm chứng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|             |                                                                                                                     |             |                  | thuyết minh tự động, tổng hợp giọng nói và hỗ trợ tra cứu dữ liệu khoa học, qua đó nâng cao tính tương tác và chất lượng phục vụ khách tham quan.<br>+ Hệ thống trung tâm giám sát, điều hành thông minh tỉnh (IOC) được duy trì với 08 dịch vụ có triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo, nhất là trên các dịch vụ giám sát thông tin trên môi trường mạng; ứng dụng AI nhận diện đám đông; Hệ thống theo dõi Giao thông thông minh.<br><b>Tài liệu kiểm chứng:</b> Báo cáo số 0251/BC-SKHCN ngày 21/12/2025 về Báo cáo chuyển đổi số năm 2025. |
| 7.2.4.      | Tỷ lệ số dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức | 1.00        | 1.00             | Đạt 18/18 dịch vụ dữ liệu.<br><b>Tài liệu kiểm chứng:</b> Báo cáo số 0251/BC-SKHCN ngày 21/12/2025 về chuyển đổi số năm 2025.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| <b>7.3.</b> | <b>Phát triển các ứng dụng, dịch vụ trong nội bộ cơ quan nhà nước</b>                                               | <b>4.00</b> | <b>4.00</b>      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 7.3.1.      | Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc toàn trình trên môi trường điện tử của các cơ quan HCNN                        | 0.50        | 0.50             | Tỷ lệ đạt 100%.<br><b>Tài liệu kiểm chứng:</b> Báo cáo số 0251/BC-SKHCN ngày 21/12/2025 về chuyển đổi số năm 2025.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 7.3.2.      | Tỷ lệ nhiệm vụ được theo dõi, quản lý, giám sát của các cơ quan hành chính thực hiện trên môi trường điện tử        | 1.00        | 1.00             | Triển khai Hệ thống theo dõi nhiệm vụ (bao gồm nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao cho tỉnh và nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao cho các sở, ngành, địa phương) tại địa chỉ theodoichidao.gialai.gov.vn<br><b>Tài liệu kiểm chứng:</b> Công văn số 7614/UBND-PVHCC ngày 06/12/2025 triển khai Hệ thống theo dõi nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh                                                                                                                                                                     |
| 7.3.3.      | Thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử                                               | 1.00        | 1.00             | Đã ban hành Bộ Chỉ số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành trên môi trường điện tử và vận hành trên môi trường điện tử tại địa chỉ <a href="https://dashboard.gialai.gov.vn/">https://dashboard.gialai.gov.vn/</a><br><b>Tài liệu kiểm chứng:</b> Quyết định số 2671/QĐ-UBND ngày 20/11/2025 ban hành Bộ Chỉ số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành trên môi trường điện tử.                                                                                                                                                                    |
| 7.3.4.      | Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh                                                              | 1.50        | 1.50             | Đã xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh và kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Hệ thống của tỉnh với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.<br><b>Tài liệu kiểm chứng:</b> Công văn số 0104/SKHCN-CĐ&BCVT ngày 12/01/2026 về việc hoàn thành kết nối, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.                                                                                                                                                                                                                               |
| <b>7.4.</b> | <b>Phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, tổ chức</b>                                                      | <b>6.00</b> | <b>6.00</b>      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 7.4.1.      | Cổng thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định                                  | 0.50        | 0.50             | Cổng thông tin điện tử tỉnh đã chuyển đổi sang công nghệ IPv6 và đáp ứng yêu cầu chức năng kỹ thuật theo quy định.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |

| STT       | Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần                                 | Điểm tối đa | Điểm tự đánh giá | Giải trình / Tài liệu kiểm chứng                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 7.4.2.    | Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin giải quyết TTHC                 | 1.00        | 1.00             | Đã xây dựng Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thống nhất tại địa chỉ <a href="https://motcua.gialai.gov.vn/">https://motcua.gialai.gov.vn/</a> . Thực hiện đồng bộ đầy đủ, thường xuyên với Cổng DVC quốc gia                                                                                                       |
| 7.4.3.    | Triển khai số hóa hồ sơ giải quyết TTHC                               | 1.00        | 1.00             | <p>- Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đạt 98,94%.</p> <p>- Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa đạt 97,92%</p> <p><b>Tài liệu kiểm chứng:</b> Số liệu công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia</p>  |
| 7.4.4.    | Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình                              | 0.50        | 0.50             | <p>Đã cung cấp trực tuyến toàn trình đối với 1.104/1.104 DVC đủ điều kiện đạt tỷ lệ 100%. Điểm số: 0.5 điểm</p> <p><b>Tài liệu kiểm chứng:</b> Số liệu công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.</p>                                                                                                                |
| 7.4.5.    | Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình                                     | 1.50        | 1.50             | <p>Số hồ sơ trực tuyến: 662.063/662.063 hồ sơ.</p> <p><b>Tài liệu kiểm chứng:</b> Số liệu công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia</p>                                                                                                                                                                              |
| 7.4.6.    | Thực hiện thanh toán trực tuyến                                       | 1.50        | 1.50             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|           | Tỷ lệ TTHC được triển khai thanh toán trực tuyến: 0.50                |             | 0.50             | Triển khai thanh toán trực tuyến đối với 100% TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính thông qua nền tảng thanh toán trên cổng Dịch vụ công quốc gia                                                                                                                                                                       |
|           | Tỷ lệ TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến: 0.50         |             | 0.50             | <p>TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến: 544/544 thủ tục.</p> <p><b>Tài liệu kiểm chứng:</b> Số liệu công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia</p>                                                                                                                                                      |
|           | Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến: 0.50                               |             | 0.50             | <p>Hồ sơ thanh toán trực tuyến: 659.039/659.039 hồ sơ.</p> <p><b>Tài liệu kiểm chứng:</b> Số liệu công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia</p>                                                                                                                                                                      |
| <b>8.</b> | <b>TÁC ĐỘNG CỦA CCHC ĐẾN NGƯỜI DÂN VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI</b> | <b>4.50</b> | <b>3.875</b>     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 8.1.      | Mức độ hài lòng của người dân về dịch vụ hành chính công              |             |                  | ĐTXHH                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 8.2.      | Mức độ thu hút đầu tư                                                 | 1.00        | 1.00             | Năm 2025, toàn tỉnh có 192 dự án đầu tư với tổng vốn đăng ký 159.874,79 tỷ                                                                                                                                                                                                                                           |

| STT         | Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần                                   | Điểm tối đa | Điểm tự đánh giá | Giải trình / Tài liệu kiểm chứng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|-------------|-------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|             |                                                                         |             |                  | đồng; tăng 101 dự án so với cùng kỳ năm 2024 (91 dự án, trong đó: Bình Định cũ 73 dự án. Gia lai cũ 18 dự án).<br><b>Tài liệu kiểm chứng:</b> Báo cáo số 559/BC-STC ngày 31/12/2025 của Sở Tài chính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| <b>8.3.</b> | <b>Mức độ phát triển doanh nghiệp</b>                                   | <b>2.00</b> | <b>1.75</b>      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 8.3.1.      | Số lượng doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường               | 0.50        | 0.50             | Theo số liệu thống kê trên trang Hệ thống đăng ký doanh nghiệp đến cuối tháng 12 năm 2025, số lượng doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường 3185, tăng khoảng 47% so với cùng kỳ năm 2024 (2170 doanh nghiệp - theo bảng báo cáo số liệu được trích xuất trên hệ thống đăng ký doanh nghiệp).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 8.3.2.      | Số vốn đăng ký của doanh nghiệp                                         | 0.50        | 0.50             | Theo số liệu thống kê trên trang Hệ thống đăng ký doanh nghiệp đến cuối tháng 12 năm 2025, số vốn đăng ký của doanh nghiệp đạt 28.000 (tỷ đồng), tăng khoảng 43% so với cùng kỳ năm 2024 (19.600 tỷ đồng - theo bảng báo cáo số liệu được trích xuất trên hệ thống đăng ký doanh nghiệp).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 8.3.3.      | Tỷ lệ đóng góp vào thu ngân sách tỉnh của khu vực doanh nghiệp          | 0.50        | 0.50             | Theo số liệu tạm tính, năm 2025 tỷ lệ đóng góp vào thu ngân sách của doanh nghiệp đạt 21.984.939 triệu đồng, bằng 128,27% so với năm 2024 (17.139.817 triệu đồng), tăng 4,66% so với cùng kỳ.<br>Trong đó: Thu từ DNNN Trung ương 1.552.156 triệu đồng; DNNN địa phương 229.403 triệu đồng; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài 782.249 triệu đồng; khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh 5.595.239 triệu đồng; thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản 157.339 triệu đồng; thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước 1.849.337 triệu đồng; thu tiền sử dụng đất 11.819.215 triệu đồng.<br><b>Tài liệu kiểm chứng:</b> Báo cáo 539/BC-STC ngày 29/12/2025 báo cáo tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 |
| 8.3.4.      | Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo                        | 0.50        | 0.25             | Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt 25,6%.<br><b>Tài liệu kiểm chứng:</b> Báo cáo chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương năm 2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| <b>8.4.</b> | <b>Thực hiện thu ngân sách hàng năm của tỉnh: 2.00 điểm</b>             | -           | -                | Bộ Tài chính đánh giá, tính điểm cho địa phương                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| <b>8.5.</b> | <b>Mức độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển KT-XH do HĐND tỉnh giao</b> | <b>1.50</b> | <b>1.125</b>     | - Tổng số chỉ tiêu kinh tế – xã hội được giao theo kế hoạch: a = 21 chỉ tiêu.<br>- Chỉ tiêu vượt kế hoạch: b = 9 chỉ tiêu.<br>- Chỉ tiêu đạt kế hoạch: c = 9 chỉ tiêu.<br>- Có 02 chỉ tiêu chưa đạt so với kế hoạch: Tốc độ tăng GRDP (kế hoạch giao 7,5%; ước thực hiện 7,2%) và Tỷ lệ che phủ rừng (kế hoạch giao 46,1%; ước thực hiện 45,4%)<br>Tính điểm: $(9/20) \times 1,50 + (9/20) \times 1,00 = 1.125$ điểm                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |

| STT | Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần | Điểm tối đa | Điểm tự đánh giá | Giải trình / Tài liệu kiểm chứng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|-----|---------------------------------------|-------------|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                       |             |                  | <p>- 01 chỉ tiêu tạm hoãn, không tiếp tục thực hiện (tiêu chí “<i>Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt Bộ Tiêu chí quốc gia về y tế xã</i>”). Lý do: thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, quy mô cấp xã khác so với trước và không phù hợp với quy định tại Quyết định 1300/QĐ-BYT ngày 09/3/2023 về ban hành bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030.</p> <p><b>Tài liệu kiểm chứng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công văn số 1196/UBND-KGVX ngày 30/7/2025 về việc rà soát, xây dựng chỉ tiêu kinh tế - xã hội về áp dụng Bộ Tiêu chí quốc gia về y tế trên địa bàn tỉnh.</li> <li>- Báo cáo số 160/BC-UBND ngày 05/12/2025 về công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, tình hình kinh tế - xã hội năm 2025 và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2026</li> </ul> |